TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1144/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh – Thư ký Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên toà:

Bà Ngô Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1069/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 269/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim T1, sinh năm 1990 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Ông Võ Văn T2, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố C, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T1 thì*:* Bà và ông T2 quen nhau khoảng một năm thì tiến tới hôn nhân

được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển 1/2008 ngày 22 tháng 01 năm 2008.

Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn không hạnh phúc, ông T2 và bà T1 không có chỗ ở chung, chỉ gặp nhau khi buôn bán ở chợ đầu mối Thủ Đức, sau đó thì bà T1 về sống ở nhà bà T1 và ông T2 sống ở nhà ông T2. Trong những thời gian vợ chồng gặp nhau thì ông T2 có những lời nói, hành động không tôn trọng bà T1, không quan tâm chăm bà và các con. Bà T1 đã nhiều lần khuyên nhưng ông T2 vẫn không thay đổi. Nay do tình cảm với ông T2 không còn nên bà T1 yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà Đỗ Thị Kim T1 và ông Võ Văn T2 có 04 con chung gồm: Võ Hoàng Gia T3 (nam), sinh ngày 18/5/2008; Võ Hoàng Phước T4 (nam), sinh ngày 28/8/2009; Võ Hoài Ngọc T5 (nữ), sinh ngày 09/10/2010 và Võ Nguyên Thiên B (nữ), sinh ngày 10/02/2014, hiện cả bốn con chung đang sống chung với bà T1 tại Đồng Nai. Sau khi ly hôn bà T1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Đồng thời ngày 31/8/2018 bà Đỗ Thị Kim T1 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Bị đơn ông Võ Văn T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập. Tuy nhiên ông T2 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức có tiến hành các thủ tục xác minh thu thập chứng cứ, vì vậy đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa là đúng theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên tòa án đã vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần rút kinh nghiệm. Ông T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng qui định của pháp luật. Bà T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 là phù hợp quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Giao con 04 chung Võ Hoàng Gia T2ởng (nam), sinh ngày 18/5/2008; Võ Hoàng Phước T4 (nam), sinh ngày 28/8/2009; Võ Hoài Ngọc T5 (nữ), sinh ngày 09/10/2010 và Võ Nguyên Thiên B (nữ), sinh ngày 10/02/2014 cho bà Đỗ Thị Kim T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T1 không yêu cầu ông Võ Văn T2 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn T2 hiện đang cư trú tại quận Thủ Đức nên căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức. Đơn khởi kiện, của bà T1 phù hợp qui định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T1 có đơn yêu cầu vắng mặt khi tòa án xét xử vụ án nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T1.

Ông Võ Văn T2, là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên Tòa, tuy nhiên ông T2 vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo qui định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T2.

[2] Về nội dung: bà Đỗ Thị Kim T1 và ông Võ Văn T2 kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển 1/2008 ngày 22/01/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà T1, Hội đồng xét xử xét: Theo lời trình bày của bà T1 thì, sau khi kết hôn bà và ông Võ Văn T2 chỉ gặp nhau khi cùng kinh doanh chung tại chợ đầu mối Thủ Đức. Vợ chồng thực tế không sống chung với nhau tại một địa điểm nào, bà T1 sống tại nhà bà T1, ông T2 sống ở nhà ông T2. Ông T2 không quan tâm chăm sóc vợ và các con chung, bà T1 đã nhiều lần khuyên ông T2 tìm chỗ để vợ chồng và các con sống chung nhưng ông T2 không đồng ý.

Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Võ Văn T2, nhưng Tòa án không nhận

được trả lời của ông, chứng tỏ ông không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà T1.

Xét, vợ chồng là phải T5 yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau cùng nhau xây dựng gia đình và nuôi dạy con chung. Từ sau khi kết hôn đến nay ông T2 và bà T1 không sống chung với nhau và không còn sự quan tâm, yêu T5, chăm sóc lẫn nhau, như vậy bà T1 và ông T2 đã vi phạm quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai cùng không muốn đoàn tụ gia đình, bà T1 có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ theo giấy khai sinh số 209 quyển 03/2008 ngày 29 tháng 5 năm 2008; Giấy Khai sinh số 418 quyển 02/2009 ngày 07/9/2009; Giấy khai sinh số 485 quyển 01/2010 ngày 18/10/2010 và Giấy khai sinh số 468 quyển 03/2014 ngày 29/7/2014 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp nên có cơ sở xác định các trẻ Võ Hoàng Gia T3 (nam), sinh ngày 18/5/2008; Võ Hoàng Phước T4 (nam), sinh ngày 28/8/2009; Võ Hoài Ngọc T5 (nữ), sinh ngày 09/10/2010 và Võ Nguyên Thiên B (nữ), sinh ngày 10/02/2014 là con chung của bà Đỗ Thị Kim T1 và ông Võ Văn T2. Bà T1 yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 04 con chung và không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T2 đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông T2 vẫn không đến và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Hơn nữa hiện bốn trẻ đang sống chung với bà T1 tại Đồng Nai. Vì vậy nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà T1 giao 04 con chung cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 khai không có nên Hội đồng xét xử không xét

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà T1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 51, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84,107, 110, 116 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T1:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim T1, sinh năm 1990 ly hôn với ông Võ Văn T2, sinh năm 1986

Về con chung: Giao con 04 chung Võ Hoàng Gia T3 (nam), sinh ngày 18/5/2008; Võ Hoàng Phước T4 (nam), sinh ngày 28/8/2009; Võ Hoài Ngọc T5 (nữ), sinh ngày 09/10/2010 và Võ Nguyên Thiên B (nữ), sinh ngày 10/02/2014 cho bà Đỗ Thị Kim T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T1 không yêu cầu ông Võ Văn T2 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000đồng bà Đỗ Thị Kim T1 phải nộp nhưng được cấn trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí bà T1 đã nộp theo biên lai

thu số 0037304 ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân xã Gia Kiệm, Huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh